

Số: /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng khu vực huyện Kiến Thụy

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng tại Văn bản số 788/BQL-DA3 ngày 16 tháng 7 năm 2025 về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt

bằng dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng khu vực huyện Kiến Thụy và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 409/TTr-SNNMT ngày 17 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng khu vực huyện Kiến Thụy (*sau đây gọi là Dự án*) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng (*sau đây gọi là Chủ dự án*) thực hiện tại xã Hữu Bằng, xã Thuận Thiên, xã Kiến Hưng, xã Đoàn Xá và xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (*nay là xã Kiến Thụy và xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng*) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4.

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường công khai trên cổng thông tin điện tử quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, quản lý hồ sơ thẩm định và các tài liệu liên quan đến Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định; chủ trì cùng Ủy ban nhân dân xã Kiến Thụy, Ủy ban nhân dân xã Kiến Hải và các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện những nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, các yêu cầu tại Quyết định này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Giao Ủy ban nhân dân xã Kiến Thụy, Ủy ban nhân dân xã Kiến Hải có trách nhiệm căn cứ thẩm quyền theo quy định của pháp luật để hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan đối với Chủ dự án. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát những nội dung về bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Tổng Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng và Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch;
- PCT TT Lê Anh Quân;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CVP, PCVP Phạm Anh Tuấn;
- Các phòng: NNMT, NVKTGS;
- UBND các xã: Kiến Hải, Kiến Thụy;
- Lưu: VT, T. L. Khiết.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Anh Quân

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ GIẢI
PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG SẮT
LÀO CAI – HÀ NỘI – HẢI PHÒNG KHU VỰC HUYỆN KIẾN THỤY
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của
Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng (khu vực huyện Kiến Thụy).

- Địa điểm thực hiện: tại các xã Đoàn Xá, xã Hữu Bằng, xã Kiến Hưng, xã Thuận Thiên, xã Đại Hợp thuộc huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là xã Kiến Hải và xã Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng).

- Chủ dự án đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng.

- Địa chỉ liên hệ: 14 Minh Khai, Thành phố Hải Phòng.

1.2. Phạm vi, quy mô của Dự án:

- Quy mô đầu tư: Dự án thực hiện trên khu đất có tổng diện tích 149.224,16 m² (xã Đại Hợp (nay là xã Kiến Hải): 21.057,89 m²; xã Đoàn Xá (nay là xã Kiến Hải): 39.149,13 m²; xã Hữu Bằng (nay là xã Kiến Thụy) 48.558,74 m²; xã Thuận Thiên (nay là xã Kiến Thụy): 17.197,40 m²; Kiến Hưng (nay là xã Kiến Thụy): 23.261,00 m²) gồm hạng mục công trình:

- Hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng.

- Hoạt động phá dỡ, dọn dẹp mặt bằng, thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật: san nền, xây dựng các hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải, cấp nước, cấp điện, cấp ngấm, chiếu sáng, thi công sân đường, hè phố, cây xanh, xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung. Bố trí 584 lô để phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng.

- Hoạt động vận hành các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của dự án.

Phạm vi đánh giá tác động môi trường của Dự án này không bao gồm việc khai thác nguyên vật liệu phục vụ thi công; không bao gồm xây dựng các hạng mục công trình trên đất ngoại trừ nhà điều hành trạm xử lý nước thải tập trung.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án:

1.3.1. Các hạng mục công trình:

Dự án thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng trong phạm vi 05 khu vực phục vụ tái định cư tại các xã Đoàn Xá, xã Hữu Bằng, xã Kiến Hưng, xã Thuận Thiên, xã Đại Hợp thuộc huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là các xã Kiến Hải và Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng); xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật và cây xanh. Tổng diện tích của Dự án 149.224,16 m².

Cơ cấu sử dụng đất của Dự án khi đi vào hoạt động như sau:

- Khu vực xã Đại Hợp (nay là xã Kiến Hải) có diện tích 21.057,89 m² gồm: (1) Đất ở 11.228,27 m²; (2) Đất cây xanh 898,77 m²; (3) Đất hạ tầng kỹ thuật 285,85 m²; (4) Đất giao thông 8.645,00 m² (theo Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 của Dự án tại xã Đại Hợp được phê duyệt tại Quyết định số 3160/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của UBND huyện Kiến Thụy).

- Khu vực xã Đoàn Xá (nay là xã Kiến Hải) có diện tích 39.149,13 m² gồm: (1) Đất ở 17.728,84 m²; (2) Đất cây xanh 1.780,34 m²; (3) Đất hạ tầng kỹ thuật 629,38 m²; (4) Đất giao thông 19.010,57 m² (theo Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 của Dự án tại xã Đại Hợp được phê duyệt tại Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của UBND huyện Kiến Thụy).

- Khu vực xã Hữu Bằng (nay là xã Kiến Thụy) có diện tích 48.558,74m² gồm: (1) Đất ở 26.059,64 m²; (2) Đất cây xanh 2.828,41 m²; (3) Đất hạ tầng kỹ thuật 465,30 m²; (4) Đất giao thông 19.205,39 m² (theo Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 của Dự án tại xã Đại Hợp được phê duyệt tại Quyết định số 3162/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của UBND huyện Kiến Thụy).

- Khu vực xã Thuận Thiên (nay là xã Kiến Thụy) có diện tích 17.197,4 m² gồm: (1) Đất ở 7.905,7 m²; (2) Đất cây xanh 603,7 m²; (3) Đất hạ tầng kỹ thuật 531,9 m²; (4) Đất giao thông 8.156,1 m² (theo Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 của Dự án tại xã Đại Hợp được phê duyệt tại Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của UBND huyện Kiến Thụy).

- Khu vực xã Kiến Hưng (nay là xã Kiến Thụy) có diện tích 9.675,9 m² gồm: (1) Đất ở 959,1 m²; (2) Đất cây xanh 959,1 m²; (3) Đất hạ tầng kỹ thuật 279,2 m²; (4) Đất giao thông 12.346,8m² (theo Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 của Dự án tại xã Đại Hợp được phê duyệt tại Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của UBND huyện Kiến Thụy).

1.3.2. Các hoạt động của Dự án đầu tư:

- Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng: đền bù giải phóng mặt bằng, phá dỡ các công trình hiện hữu, vận chuyển chất thải rắn xây dựng phá dỡ, tập kết nguyên vật liệu, máy móc thi công tại vị trí theo quy định; hoạt động san nền, đào đắp, thi công các hạng mục công trình, hoạt động sinh hoạt của người lao động.

- Giai đoạn vận hành: sinh hoạt của người dân; hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung; hoạt động bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ: Dự án có yêu cầu chuyển đổi đất lúa 2 vụ với diện tích khoảng 11,94 ha (theo các Bảng thống kê thửa đất theo hiện trạng đo đạc lập trích đo bản đồ địa chính ngày 23/6/2025 của các xã Hữu Bằng, xã Thuận Thiên, xã Kiến Hưng, xã Đoàn Xá và xã Đại Hợp huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng:
 - + Hoạt động dọn dẹp mặt bằng, phá dỡ các công trình hiện hữu phát sinh tiếng ồn, độ rung, bụi, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại (CTNH), bùn thải;
 - + Hoạt động sinh hoạt của người lao động phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt;
 - + Hoạt động thi công san nền, đào đắp, thi công các hạng mục công trình tiếng ồn, độ rung, bụi, khí thải, chất thải rắn, CTNH;
- Giai đoạn vận hành:
 - + Hoạt động sinh hoạt của người dân phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, CTNH;
 - + Hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung phát sinh mùi, CTNH;
 - + Hoạt động bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật phát sinh bùn thải, chất thải rắn, CTNH;

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

- Bụi và khí thải, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình phá dỡ các công trình hiện hữu, thi công xây dựng của Dự án.
- Bụi và khí thải, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án.

3.2. Nước thải, khí thải:

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất nước thải:

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng:
 - + Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân, lưu lượng khoảng 22,5 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: các chất hữu cơ

(BOD, COD), chất dinh dưỡng (tổng N, tổng P), các chất lơ lửng (SS), vi sinh vật (Coliform, E.Coli).

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh phương tiện vận tải ra vào công trường và vệ sinh dụng cụ xây dựng với lưu lượng khoảng 10 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, các chất lơ lửng (SS), dầu mỡ khoáng.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của hộ dân khu tái định cư với tổng lưu lượng phát sinh khoảng 439,2 m³/ngày đêm (*trong đó: (1) xã Đại Hợp (nay là xã Kiến Hải) 61,2 m³/ngày đêm; (2) Đoàn Xá (nay là xã Kiến Hải) 113,04 m³/ngày đêm; xã Hữu Bằng (nay là xã Kiến Thụy) 157,68 m³/ngày đêm; xã Thuận Thiên (nay là xã Kiến Thụy) 43,2 m³/ngày đêm; xã Kiến Hưng (nay là xã Kiến Thụy) 64,08 m³/ngày đêm.* Thông số ô nhiễm đặc trưng: các chất hữu cơ (BOD, COD), chất dinh dưỡng (tổng N, tổng P), các chất lơ lửng (SS), vi sinh vật (Coliform, E.Coli).

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô và tính chất khí thải:

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động chuẩn bị mặt bằng thi công, hoạt động phá dỡ công trình hiện hữu, đào đắp nền, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải rắn xây dựng; hoạt động của máy móc, thiết bị thi công. Thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi, NO_x, SO₂, CO...

- Giai đoạn vận hành:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện giao thông (sử dụng nhiên liệu đốt chủ yếu là xăng và dầu Diesel) lưu thông tại khu vực dự án. Thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi, NO_x, SO₂, CO...

+ Mùi tại khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt. Thông số ô nhiễm đặc trưng: H₂S, NH₃, CO...

+ Mùi từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt. Thông số ô nhiễm đặc trưng: H₂S, NH₃, CH₄...

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.3.1. Chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân với khối lượng khoảng 215 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: bao bì, giấy, vỏ chai lọ, hộp thức ăn, thức ăn thừa,...

+ Chất thải rắn xây dựng: từ hoạt động phá dỡ các công trình hiện trạng, phát quang thảm thực vật với khối lượng khoảng 135 tấn; hoạt động thi công

xây dựng hạ tầng kỹ thuật với tổng khối lượng là 1.587 tấn. Tổng khối lượng CTR xây dựng phát sinh của dự án khoảng 1.722 tấn. Riêng bùn thải từ quá trình nạo vét lớp đất hữu cơ bề mặt và bùn nạo vét từ các ao, mương là 38.305 m³ không đổ thải (tái sử dụng để trồng cây là 724 m³ và vận chuyển đến vùng trồng lúa trũng thấp là 37.581 m³ (tương ứng 48.855 tấn) theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động của các hộ dân (khu vực tái định cư) và khu vực trồng cây xanh khoảng 3.287 kg/ngày.

+ Chất thải rắn thông thường khác: bùn thải từ nạo vét hệ thống thoát nước, bùn từ các hệ thống xử lý nước thải với tổng lượng bùn phát sinh khoảng 435 tấn/năm.

3.3.2. Chất thải nguy hại:

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng: Chất thải nguy hại phát sinh gồm dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, vật liệu thấm dầu thải... với khối lượng khoảng 382,6 kg.

- Giai đoạn vận hành: khoảng 304 kg/năm (bao gồm: giẻ lau, găng tay dính dầu; than hoạt tính hấp phụ mùi của trạm xử lý nước thải; dầu thải; bao bì mềm chứa thành phần nguy hại, hoạt động bảo dưỡng trạm xử lý nước thải tập trung).

3.4. Tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng: tiếng ồn, độ rung hát sinh từ hoạt động phá dỡ các công trình, hoạt động thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải và máy móc thi công của Dự án.

- Giai đoạn vận hành: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông và hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: tại khu vực thi công bố trí các nhà vệ sinh di động dạng nguyên khối bằng vật liệu composite; toàn bộ nước thải sinh hoạt sẽ được nhà thầu thi công thuê đơn vị có chức năng hút, vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Nước thải xây dựng: toàn bộ nước thải từ nước rửa xe, vệ sinh máy móc thi công, nước thải từ đào hồ móng được thu gom vào hố lắng để lắng cặn, tách dầu mỡ,... nước thải sau khi xử lý được tuần hoàn rửa xe (hố lắng được san lấp, hoàn trả mặt bằng cho Dự án sau khi kết thúc quá trình xây dựng).

+ Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng công trường: Thi công hệ thống rãnh thoát nước mưa trong giai đoạn thi công theo quy hoạch đường cống thoát nước mưa chung của dự án trong giai đoạn vận hành, cuối đường rãnh thoát nước mưa sẽ bố trí hố thu lắng cặn, đất cát trước khi thoát nước mưa ra ngoài công trường.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải sinh hoạt các hộ dân khu tái định cư được đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của mỗi khu tái định cư thông qua các tuyến cống D300 dẫn về 05 Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung với tổng công suất 520 m³/ngày đêm (trong đó hệ thống xử lý nước thải xã Đại Hợp (nay là xã Kiến Hải) có công suất 75 m³/ngày; hệ thống xử lý nước thải xã Đoàn Xá (nay là xã Kiến Hải) 140 m³/ngày; hệ thống xử lý nước thải xã Hữu Bằng (nay là xã Kiến Thụy) 170 m³/ngày; hệ thống xử lý nước thải xã Thuận Thiên (nay là xã Kiến Thụy) 55 m³/ngày; hệ thống xử lý nước thải xã Kiến Hưng (nay là xã Kiến Thụy) 80 m³/ngày).

+ Quy trình của 5 hệ thống xử lý nước thải tập trung tại 5 khu vực tái định cư như nhau, cụ thể: Nước thải sinh hoạt → Bể thu gom → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hố ga → nguồn tiếp nhận.

+ Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung tại xã Đại Hợp (nay là xã Kiến Hải), công suất 75 m³/ngày được bơm cưỡng bức về bằng đường ống có áp lực D300, sau đó dẫn ra kênh Đại Hợp. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1,2) và QCVN 14:2025/BTNMT (cột A, F <2.000 m³/ngày). Lưu lượng nước thải tối đa bằng công suất của hệ thống: 75 m³/ngày đêm.

+ Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung tại xã Đoàn Xá (nay là xã Kiến Hải), công suất 140 m³/ngày được bơm cưỡng bức về bằng đường ống có áp lực D300 dẫn ra hệ thống thủy lợi nội đồng và cuối cùng chảy vào kênh Cái Sành. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1,2) và QCVN 14:2025/BTNMT (cột A, F <2.000 m³/ngày). Lưu lượng nước thải tối đa bằng công suất của hệ thống: 140 m³/ngày đêm.

+ Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung tại xã Hữu Bằng (nay là xã Kiến Thụy), công suất 170 m³/ngày được bơm cưỡng bức về bằng đường ống có áp lực D300 dẫn ra hệ thống thoát nước trên đường huyện 394 và xả ra kênh Đồng Théo 1. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1,2) và QCVN 14:2025/BTNMT (cột A, F <2.000 m³/ngày). Lưu lượng nước thải tối đa bằng công suất của hệ thống: 170 m³/ngày đêm.

+ Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung tại xã Thuận Thiên (nay là xã Kiến Thụy), công suất 55 m³/ngày được bơm cưỡng bức về bằng đường ống có áp lực D300 theo hệ thống thoát nước trên đường xả ra kênh

Thuận Thiên. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1,2) và QCVN 14:2025/BTNMT (cột A, F <2.000 m³/ngày). Lưu lượng nước thải tối đa bằng công suất của hệ thống: 55 m³/ngày đêm.

+ Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung tại xã Kiến Hưng (nay là xã Kiến Thụy), công suất 80 m³/ngày được bơm cưỡng bức về bằng đường ống có áp lực D300 theo hệ thống kênh thủy lợi nội đồng sau đó xả thải vào kênh Đồng Thêo 1. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1,2) và QCVN 14:2025/BTNMT (cột A, F <2.000 m³/ngày). Lưu lượng nước thải tối đa bằng công suất của hệ thống: 80 m³/ngày đêm.

+ Nước mưa chảy tràn được thu gom vào hệ thống hố ga, cống thoát bằng bê tông đặt ngầm dưới đất, chạy xung quanh các khu tái định cư. Hệ thống cống thoát nước có kết cấu BTCT, kích thước D300 đến D2000 độ dốc hệ thống i = 0,25%, trên tuyến thoát nước mưa bố trí các hố ga để lắng cặn trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Toàn bộ chất thải trong hầm tự hoại của các nhà vệ sinh di động trong giai đoạn phá dỡ, thi công xây dựng được hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, không xả nước thải sinh hoạt trực tiếp ra môi trường;

+ Xây dựng và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình chuẩn bị, thi công xây dựng và vận hành Dự án;

+ Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công tình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập do việc thực hiện Dự án; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh Dự án.

+ Toàn bộ nước thải sinh hoạt phải được thu gom, xử lý đạt yêu cầu trước khi xả ra ngoài môi trường.

+ Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng: phá dỡ công trình hiện hữu, tập kết vật liệu đúng nơi quy định, trong những ngày hanh khô, có gió áp dụng biện pháp phun nước, làm ẩm, giảm thiểu bụi phát sinh do quá trình bốc dỡ cát, đá; xe chở nguyên vật liệu rời được phủ bạt kín để giảm thiểu bụi và nguyên liệu rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển; bố trí công nhân thường xuyên quét dọn mặt bằng triển khai dự án; không chở vật liệu vượt quá trọng tải của phương tiện;

thường xuyên kiểm tra tình trạng máy móc thiết bị, thay thế hoặc bảo dưỡng thiết bị theo quy định.

- Giai đoạn vận hành: bố trí hệ thống xử lý mùi cho hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án; thường xuyên quét dọn, làm vệ sinh khu vực Dự án nhằm hạn chế bụi phát tán đến khu vực lân cận; trồng cây xanh theo đúng quy hoạch được duyệt.

- Yêu cầu bảo vệ môi trường: thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng và vận hành; đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường; QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng:

- + Đối với chất thải sinh hoạt: bố trí các thùng rác để thu gom riêng chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) được phân loại tại nguồn trước khi chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý riêng CTRSH sau phân loại theo quy định.

- + Đối với chất thải rắn xây dựng: phân loại tại nguồn các loại chất thải rắn xây dựng, bố trí khu vực tập kết chất thải xây dựng phù hợp; chất thải rắn xây dựng có khả năng tái sử dụng tại chỗ được thu gom, tái sử dụng làm vật liệu xây dựng ngay tại chỗ; chất thải rắn có khả năng tái chế (sắt, thép, tôn,...) được tận dụng bán cho cơ sở tái chế; các chất thải khác được hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Giai đoạn vận hành:

- + Đối với chất thải rắn sinh hoạt: các hộ dân tự phân loại tại nguồn trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- + Đối với bùn thải nạo vét tại bể tự hoại (03 nhà vệ sinh công cộng), hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải; bùn từ hệ thống xử lý nước thải tập được đơn vị tiếp nhận vận hành định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đầy đủ năng lực và năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- + Bố trí điểm tập kết CTRSH tại khu vực hạ tầng kỹ thuật của mỗi khu tái định cư (diện tích khoảng 30 m²/ khu).

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: phân loại tại nguồn và quản lý, chuyển giao chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ

môi trường năm 2020, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng và các quy định khác có liên quan.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng: phân loại, thu gom và lưu chứa từng loại chất thải nguy hại phát sinh bằng các thùng chứa riêng biệt, lưu giữ tại container đáp ứng các yêu cầu theo quy định về phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường trước khi chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành: chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh từ các hộ dân, từ quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung được phân loại, thu gom về khu vực lưu chứa CTNH tập trung; bố trí 01 kho lưu chứa CTNH (diện tích khoảng 05 m²) tại khu vực hạ tầng kỹ thuật. Bố trí đủ số lượng thùng chứa đảm bảo đáp ứng yêu cầu lưu giữ riêng từng mã CTNH theo đúng quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: quản lý, chuyển giao chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định khác có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng: bố trí thời gian làm việc hợp lý, hạn chế vận chuyển vật liệu vào giờ cao điểm, các xe vận chuyển không được chạy quá tốc độ cho phép, đặc biệt khi đi qua khu dân cư hoặc vào giờ nghỉ; các máy móc có tiếng ồn lớn sẽ không vận hành vào ban đêm (từ 21h đến 6h); bố trí thời gian hoạt động của các thiết bị, nhằm tránh cộng hưởng từ nhiều nguồn phát sinh tiếng ồn.

- Giai đoạn vận hành: bố trí khu vực đảm bảo diện tích trồng cây xanh; bố trí tổ chức giao thông phù hợp.

- Yêu cầu về môi trường: tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất

Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; hỗ trợ chuyển đổi nghề đối với các hộ dân đang trồng trọt, nuôi trồng thủy sản; tái sử dụng tầng đất mặt đất lúa 2 vụ để bồi đắp vùng lúa trũng thấp và một phần trồng cây tại dự án; bồi thường để người dân có mộ di dời đến nghĩa trang của xã; bồi thường vật kiến trúc, bố trí tái định cư, bố trí nơi ở đối với các hộ dân có đất ở trong phạm vi đất của Dự án theo đơn giá vào thời điểm kiểm đếm chi tiết; trong thời gian chờ bố trí tái định cư, chủ dự án sẽ bố trí tạm cư hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà tạm lánh theo quy định; đảm bảo đủ và kịp thời ngân sách cho công tác giải phóng mặt bằng.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng:

+ Thực hiện rà phá bom, mìn khu vực dự án trước khi thi công.
+ Tuyển chọn đơn vị tư vấn thiết kế và nhà thầu thi công có đủ năng lực để thực hiện các gói thầu đảm bảo công trình được thực hiện đúng theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

+ Thực hiện đúng các quy trình kiểm soát chất lượng bao gồm các hạng mục khảo sát trước thi công, phương án thi công, bản vẽ thi công...; thực hiện đúng kế hoạch an toàn lao động.

+ Không sử dụng các vật liệu kém chất lượng để thi công công trình.

+ Không thi công công trình khi gặp thời tiết bất lợi như mưa bão, lũ lụt.

+ Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn đối với khu dân cư, các công trình lân cận trong quá trình thi công.

+ Xây dựng phương án ứng phó đối với các sự cố, tai nạn lao động, tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động; trang bị bảo hộ lao động; tăng cường phổ biến và hướng dẫn cán bộ kỹ thuật, công nhân lao động kỹ năng phòng, tránh, ứng phó sự cố tai nạn lao động.

- Giai đoạn vận hành:

+ Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố do thiên tai mưa bão, sự cố ngập lụt.

+ Thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác theo quy định của pháp luật.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công Dự án:

- Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

+ Thực hiện phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

+ Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Giám sát môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung:

+ Vị trí giám sát: 03 điểm, cụ thể: 01 điểm tại khu vực thi công giáp đường hiện trạng, 01 điểm tại khu vực trong công trường thi công; 01 vị trí giáp khu dân cư cạnh địa điểm thi công tại mỗi xã.

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

+ Thông số giám sát: tổng bụi lơ lửng (TSP), tiếng ồn (dBA), độ rung (dB), SO₂, NO₂, CO.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành Dự án:

- Giám sát chất thải rắn thông thường:

+ Thực hiện phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố.

+ Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Chương trình giám sát nước thải:

+ Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục.

+ Thuộc đối tượng quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

Thông số lấy mẫu: 11 chỉ tiêu đặc trưng của nước thải sinh hoạt theo QCVN14:2008/BTNMT (cột B) gồm: pH, BOD5, TSS, TDS, Sunfua, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, Tổng Coliforms.

+ Vị trí lấy mẫu nước thải: 01 vị trí tại hố ga lấy mẫu sau xử lý, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận

+ Tiêu chuẩn so sánh: QCVN14:2008/BTNMT (cột A).

+ Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần.

- *Chương trình giám sát bụi, khí thải*: không có

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án.

- Chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

- Chỉ được tiến hành xây dựng các hạng mục công trình của Dự án trên diện tích đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình Dự án.

- Lắp đặt hệ thống biển báo, mốc giới thi công trong khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho người dân trong khu vực Dự án về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông đường bộ và đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong thời gian phá dỡ các công trình hiện hữu và thi công xây dựng.

- Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và quy định khác có liên quan; chỉ

được phép đổ thải các loại chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án vào các vị trí phù hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép bằng văn bản và phải có biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển và đổ thải.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn, ngập úng do việc thực hiện Dự án; xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình phá dỡ, thi công xây dựng và vận hành Dự án.

- Chủ dự án chịu trách nhiệm toàn bộ và cam kết đền bù, khắc phục ô nhiễm trong trường hợp xảy ra sự cố rủi ro môi trường xảy ra sự cố rủi ro, tai biến địa chất, sụt lún, sạt lở do quá trình thực hiện Dự án gây ra.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, tiếng ồn, độ rung, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn môi trường liên quan.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình biện pháp bảo vệ môi trường theo đúng nội dung đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường để được cấp Giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định của pháp luật./.
